

Bản án số: 172/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-10-2019

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Nguyệt

2. Ông Nguyễn Văn Sấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án, TAND huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Đào – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/7/2019 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị T - Sinh năm: 1997

ĐKKHKT: Thôn 3, xã L, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Chiến Thắng, xã Ngư Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh B - Sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/7/2019, bản tự khai ngày 09/7/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị T trình bày: Chị và anh B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng kết hôn ngày 26/11/2015 tại UBND xã L, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được vài tháng đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh nhau, anh B

đi làm ăn ở Hà Nội nhưng không chu cấp tiền cho vợ để nuôi con. Tháng 9/2018, chị T và cháu thứ hai xuống nhà ngoại chơi nhưng anh B gọi điện chửi bới xúc phạm chị T và gia đình nhà ngoại. Mâu thuẫn gia đình đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2018 đến nay, không quan tâm gì đến nhau.

Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị T khai vợ chồng có 02 con chung, các cháu tên là HT, sinh ngày 05/11/2015 và HB, sinh ngày 15/5/2018. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc cháu HB, anh B chăm sóc cháu HT, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/7/2019 và quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn là anh B khai: Anh và chị T kết hôn tự nguyện, đã đăng ký kết tại UBND xã L, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B đi làm xa về mới biết chị T thường xuyên lấy tiền của gia đình chơi lô đề cờ bạc nên anh B đã hạn chế chu cấp tiền. Vào tháng 9/2018, chị T xin về ngoại chơi rồi không về chung sống cùng với anh và cũng không gọi điện hỏi thăm chồng con. Bản thân anh B vẫn thường xuyên xuống thăm vợ con, chu cấp tiền và đồ dùng cho con. Gia đình bên nội xuống thăm hỏi và dàn xếp cho hai vợ chồng nhưng gia đình bên ngoại không thể hiện ý kiến gì. Nay anh B xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, hơn nữa anh B không muốn con cái khổ nên mong Tòa án hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ.

Về con chung: Anh B khai vợ chồng có 02 con chung, các cháu tên là HT, sinh ngày 05/11/2015 và HB, sinh ngày 15/5/2018. Nếu vợ chồng ly hôn anh B có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc cả hai cháu HT và cháu HB, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Tại bản tự khai anh B khai có vay một số nợ chưa trả hết, hiện tại anh chưa thống kê được nên nếu yêu cầu anh sẽ yêu cầu bằng một văn bản khác gửi Tòa án. Nhưng tại các phiên hòa giải ngày 12/7/2019 và 01/8/2019 anh B đều thống nhất với ý kiến của chị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, HĐXX đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị T được ly hôn anh B.

Về con chung: Đề nghị giao cháu HT, sinh ngày 05/11/2015 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu HB, sinh ngày 15/5/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Các bên không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh B là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện Yên Định, Thanh Hóa nên việc Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp và tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

Ngày 19/9/2019, Tòa án nhân dân huyện Yên Định đã mở phiên tòa xét xử, anh B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa.

Ngày 18/10/2019, Tòa án mở lại phiên tòa, anh B đã được triệu tập hợp lệ nhưng đến tại thời điểm xét xử vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về hôn nhân:

Chị T và anh B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Yên Định ngày 26/11/2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian rồi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Khi phát sinh mâu thuẫn vợ chồng không tự giải quyết được, anh B thường xuyên đi làm ăn xa, mỗi người ở mỗi nơi nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Từ tháng 9/2018 đến nay vợ chồng sống ly thân, không

quan tâm gì đến nhau. Bản thân anh B muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh B đã đến mức trầm trọng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh B.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị T và anh B có 02 con chung, các cháu tên là HT, sinh ngày 05/11/2015 và HB, sinh ngày 15/5/2018. Quá trình giải quyết vụ án chị T và anh B đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc cả hai cháu và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa chị T đồng ý chia con, mỗi người nuôi một cháu, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu HB, anh B nuôi dưỡng cháu HT.

Xét yêu cầu và nguyện vọng chăm sóc con chung của các bên là chính đáng, nhưng lâu nay cháu HT đang ở với anh B, cháu HB còn nhỏ và vẫn ở với chị T. Do đó, để đảm bảo cho việc chăm sóc cũng như không làm xáo trộn sinh hoạt, học tập của các cháu, cần tiếp tục giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu HB, giao cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu HT, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị T được ly hôn anh B.

2. Về con chung: Giao cháu HB, sinh ngày 15/5/2018 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Giao cháu HT, sinh ngày 05/11/2015 cho anh B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T và anh B có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm.

Vì lợi ích của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số

AA/2015/0003295 ngày 03/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa (Chị T đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS Yên Định;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Hoàng